

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC II

BÀI THU HOẠCH

**LỚP CAO CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ TẬP TRUNG
KHÓA HỌC 2021-2022**

TÊN MÔN HỌC: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN

TÊN BÀI THU HOẠCH:

**VAI TRÒ CỦA NGUỒN TÀI NGUYÊN TRÍ LỰC TRONG THỰC TIỄN
THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA GẮN VỚI PHÁT
TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC CỦA TỈNH QT
HIỆN NAY**

ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG	
Bằng số	Bằng chữ

TP. HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

MỤC LỤC

Phần I. MỞ ĐẦU:

Phần II. NỘI DUNG:.....

1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguồn tài nguyên trí lực trong thực tiễn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.....

1.1. Khái niệm tài nguyên trí lực:.....

1.2. Đặc điểm của tài nguyên trí lực:.....

1.3. Vai trò chủ yếu của nguồn tài nguyên trí lực:.....

2. Quan niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam.....

2.1. Quan niệm về công nghiệp hóa:.....

2.2. Quan niệm về hiện đại hóa:.....

2.3. Quan niệm về kinh tế tri thức:.....

2.4. Quan điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức:...

2.5. Sự cần thiết đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam:.....

3. Vai trò, thực trạng nguồn tài nguyên trí lực trong thực tiễn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức của tỉnh QT hiện nay.....

3.1. Vai trò của nguồn tài nguyên trí lực trong thực tiễn tại QT:.....

3.2. Thực trạng nguồn tài nguyên trí lực trong thực tiễn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức của tỉnh QT hiện nay.....

3.2.1. Kết quả đạt được trong phát triển đội ngũ trí thức của tỉnh.....

3.2.2. Kết quả đạt được trong sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.....

3.3. Một số tồn tại, hạn chế:.....

4. Liên hệ của bản thân trong thực tiễn công tác tại tỉnh QT.....

Phần III. KẾT LUẬN.....

Phần I. MỞ ĐẦU

Hiện nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) gắn với phát triển kinh tế tri thức là một trong những xu thế tất yếu của một quốc gia vì nó đưa cả nền sản xuất vật chất và đời sống văn hóa - xã hội của đất nước lên trình độ mới. Đối với Việt Nam thì CNH, HĐH có vai trò tạo điều kiện, tiền đề vật chất - kỹ thuật cho chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong đó, nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao mà cụ thể là nguồn tài nguyên trí lực đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, Đảng và Nhà nước ta càng đặc biệt coi trọng việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

Ông cha ta thường căn dặn: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”. C. Mác cho rằng, con người là yếu tố số một của lực lượng sản xuất. Nhà tương lai học người Mỹ, Alvin Toffler nhấn mạnh vai trò của lao động trí thức: “Tiền bạc tiêu mãi cũng hết, quyền lực rồi sẽ mất; chỉ có trí tuệ của con người thì khi sử dụng không những không mất đi mà còn lớn lên”.

Trên cơ sở tổng kết công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX đến nay và bám sát bối cảnh, yêu cầu, nhiệm vụ mới, Đại hội XIII của Đảng nêu rõ chủ trương: “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”.

Để phát triển CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức phải có nguồn lực cần thiết như nguồn lực con người, vốn tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất kỹ thuật....; trong đó nguồn lực con người, tài nguyên chất xám, tài nguyên trí lực là một nguồn lực quan trọng nhất cho tiến trình phát triển của đất nước và tiến bộ xã hội, xây dựng xã hội tiến bộ, công bằng, dân chủ, văn minh, dân giàu, nước mạnh.

Do đó, trong khuôn khổ một bài thu hoạch tôi chọn chủ đề này để làm rõ vai trò của nguồn tài nguyên trí lực trong thực tiễn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH,

HĐH) gắn với phát triển kinh tế tri thức của tỉnh QT hiện nay. Trong quá trình thực hiện không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, rất mong nhận được sự hướng dẫn và góp ý từ quý thầy cô để hoàn thiện hơn. Xin chân thành cảm ơn!

Phần II. NỘI DUNG

1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguồn tài nguyên trí lực trong thực tiễn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

1.1. Khái niệm tài nguyên trí lực:

Tài nguyên trí lực là tổng thể các năng lực về sức quan sát, khả năng của trí nhớ, sức suy nghĩ, óc tưởng tượng, kỹ năng thực hành và sức sáng tạo của con người. Những năng lực ấy được tương tác, phối hợp với nhau tạo thành *sức mạnh trí tuệ*, tiềm ẩn trong cơ thể sống của một người bình thường. Sức mạnh trí tuệ đó chính là tài nguyên trí lực ⁽¹⁾. Tài nguyên trí lực có ở tất cả mọi người không phân biệt người đó là trí thức hay không phải trí thức, có hay không có chuyên môn kỹ thuật, lao động trí óc hay lao động chân tay. Tuy nhiên, mức độ “giàu, nghèo” về nguồn tài nguyên trí lực giữa mọi người là không giống nhau. Những người có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, có trình độ quản lý giỏi, những người có thể hoàn thành tốt một công việc trong điều kiện phải chịu áp lực cường độ cao, các nhà sáng chế, bác học được xã hội thừa nhận thường có sức mạnh trí tuệ cao hơn so với người không có những khả năng này. *Tài nguyên trí lực chính là tiềm năng về sức mạnh trí tuệ để con người có thể thực hiện, hoàn thành một công việc nhất định.*

Tài nguyên trí lực là một kết cấu bao hàm nhiều năng lực. Nó không phải là một năng lực đơn độc, mà là một sức mạnh tổng hợp của nhiều loại năng lực. Nó cũng không phải là phép gộp đơn giản các nhân tố như sức quan sát, khả năng của trí nhớ, sức suy nghĩ, óc tưởng tượng, kỹ năng thực hành và sức sáng tạo của con người, mà là sự kết hợp trong một cấu trúc tạo nên giá trị của tài nguyên trí lực. Mặc dù có nhiều yếu tố tạo nên giá trị của loại tài nguyên này, nhưng các nhà nghiên cứu vẫn nghiêng về tầm quan trọng của trí thức, kỹ năng và coi đây là yếu tố then chốt. Những năng lực này chủ yếu được tạo ra thông qua giáo dục, đào tạo, rèn luyện.

1.2. Đặc điểm của tài nguyên trí lực:

Là tài sản vô hình. Tài nguyên trí lực tuy là nguồn lực tiềm ẩn trong mỗi cá nhân, nhưng nó có thể được “mã hóa”. Phương tiện để “mã hóa” tài nguyên này hiện nay là bằng phát minh, sáng chế, phần mềm bảo vệ máy tính chống virus (như Bkav Pro), phần mềm lập trình định dạng... Tuy nhiên, dù có “mã hóa” như thế nào thì tài nguyên trí lực vẫn là tài sản vô hình, phi vật thể vì bản thân nó không hiện hữu mang tính vật lý. Nếu tài nguyên thiên nhiên thường là những thứ mà ta có thể quan sát, cảm nhận được một cách bình thường, thì với tài nguyên trí lực là không thể nhìn thấy, sờ thấy được. Nếu máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình sản xuất... là hữu hình thì các yếu tố tạo nên tài nguyên trí lực như sức quan sát, khả năng của trí nhớ, sức suy nghĩ, sức sáng tạo... là vô hình. Mặc dù vậy, tài nguyên trí lực vẫn có thể đo đếm, đánh giá được và trên thực tế người ta đã tìm ra được những cách để đo lường giá trị của loại tài nguyên này.

Tài nguyên trí lực là đối tượng mua bán và đem lại thu nhập. Tài nguyên trí lực là một loại sản phẩm do con người tạo ra. Trong kinh tế thị trường, nó có thể trở thành đối tượng mua bán và đem lại thu nhập cho người sở hữu và những người thực hiện nó. Tuy việc mua bán vẫn tuân theo quy luật thị trường, nhưng việc định giá tài nguyên trí lực là rất khó khăn, bởi nó không phải là tài sản hữu hình và không nhìn thấy. Tuy là sản phẩm và được đánh giá là có hay không có sức mạnh trí tuệ, nhưng không phải tất cả đều được “mã hóa” nguồn tài nguyên này để đi vào lưu thông. Hơn nữa, chi phí để có các năng lực trí tuệ thường mang tính dài hạn và không phải tất cả các chi phí đều được tính bằng tiền. Thêm vào đó, việc định giá còn do câu của người muốn sử dụng loại tài sản này và còn phụ thuộc vào hiệu lực bảo hộ của nhà nước. Bởi vậy, việc tìm ra một nguyên tắc định giá đúng và được thực sự tôn trọng là rất cần thiết để tạo động lực cho phát triển, lưu thông nguồn tài nguyên này và để nâng mức đóng góp của nó cho tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân.

1.3. Vai trò chủ yếu của nguồn tài nguyên trí lực:

- *Là nguồn lực quan trọng nhất, quyết định lợi thế cạnh tranh.* Tài nguyên trí lực khi được đưa vào khai thác, sử dụng thì nó tạo ra sức mạnh trong hầu hết các lĩnh vực. Trong lĩnh vực kinh tế, trí lực không chỉ giúp nhà kinh doanh biết tính toán, suy nghĩ chín chắn, biết đưa ra những quyết định đúng đắn, mang đến thành công, mà còn tạo ra cho họ những lợi thế kinh tế. Dựa vào tài nguyên trí lực, việc sản xuất được hoàn thiện hơn, có năng suất

cao hơn, chất lượng sản phẩm tốt hơn. Tài nguyên trí lực là nguồn gốc của những phát minh, tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới, cách làm mới. Vai trò của tài nguyên trí lực ngày càng tăng lên cùng với quá trình phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học, công nghệ và kinh tế thị trường hiện đại. Nếu lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của nền kinh tế vào đầu thế kỷ XX còn dựa nhiều vào quy mô nguồn vốn, vị trí địa lý, sức lao động và tài nguyên thiên nhiên, thì từ cuối thế kỷ XX trở lại đây, lợi thế đó thuộc về sức mạnh trí tuệ. Doanh nghiệp hay quốc gia nào hoàn thiện được công nghệ hiện có và phát triển được những công nghệ mới đưa vào sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp đó, quốc gia đó có lợi thế hơn, sức cạnh tranh trên thị trường cả trong nước và quốc tế cao hơn.

- *Tài nguyên trí lực là yếu tố chủ yếu thúc đẩy hiện đại hóa nền kinh tế.* Tài nguyên trí lực, chứ không phải cái gì khác là yếu tố thúc đẩy sự ra đời và phát triển của nền kinh tế tri thức. Dựa vào tài nguyên trí lực, con người sáng tạo ra công nghệ mới làm cho việc sử dụng các nguồn lực khác có hiệu quả hơn. Quá trình sáng tạo công nghệ mới cũng làm ra đời những doanh nghiệp mới, ngành kinh tế mới có sức vươn lên mạnh hơn.

2. Quan niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam

2.1. Quan niệm về công nghiệp hóa

Công nghiệp hóa là quá trình chuyển dịch từ xã hội nông nghiệp lên xã hội công nghiệp, từ văn minh nông nghiệp lên văn minh công nghiệp. nó không chỉ đơn thuần là những biến đổi về kinh tế mà bao gồm các biến đổi về văn hóa và xã hội từ trạng thái nông nghiệp lên xã hội công nghiệp, tức là trình độ văn minh cao hơn.

2.2. Quan niệm về hiện đại hóa

Hiện đại hóa là quá trình tạo sự chuyển biến căn bản từ xã hội truyền thống lên xã hội hiện đại. đối với đời sống kinh tế- xã hội, hiện đại hóa là quá trình làm cho nền kinh tế và đời sống xã hội đạt được tính chất và trình độ của thời đại ngày nay.

2.3. Quan niệm về kinh tế tri thức

Kinh tế tri thức là một nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống.